SỞ CÔNG THƯƠNG BẾN TRE
Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả
Ngày: 02-10-2023
ĐẾN Số: 273
Chuyển:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 11/BHC/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA I, PHƯỜNG AN BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

Điện thoại: T.+84-251.3836199 | F.+84-251.3836213

E-mail: E. bhc@bhconsumer.com | www.ttcagris.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 3600495818

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm theo điểm k, Điều 12, Nghị định 15/2018/NĐ-CP - Cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **NƯỚC DỪA XIM THẠCH DỪA TƯƠI**

2. Thành phần: Nước, Xi – rô bắp giàu fructose, thạch dừa (65g/l), đường mía, nước dừa (10g/l), chất điều chỉnh độ acid (578, 331 (iii), 330, 327, 296), chất điều vị (508), muối, chất bảo quản (202, 211), chất tạo gel (418), hương liệu vải nhân tạo, chất tạo ngọt tổng hợp (950).

3. Thời hạn sử dụng của sản phẩm:

12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất xem trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

– Thể tích thực: 350 ml.

Chất liệu bao bì: Thành phẩm được đóng trong chai PET. Đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

5.1 Xuất xứ: Việt Nam

5.2 Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng :

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 11/BHC/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA I, PHƯỜNG AN BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

Điện thoại: T.+84-251.3836199 | F.+84-251.3836213

E-mail: E. bhc@bhconsumer.com | www.ttcagris.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 3600495818

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm theo điểm k, Điều 12, Nghị định 15/2018/NĐ-CP - Cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **NƯỚC DỪA XIM THẠCH DỪA TƯƠI**

2. Thành phần: Nước, Xi – rô bắp giàu fructose, thạch dừa (65g/l), đường mía, nước dừa (10g/l), chất điều chỉnh độ acid (578, 331 (iii), 330, 327, 296), chất điều vị (508), muối, chất bảo quản (202, 211), chất tạo gel (418), hương liệu vải nhân tạo, chất tạo ngọt tổng hợp (950).

3. Thời hạn sử dụng của sản phẩm:

12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất xem trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

– Thể tích thực: 350 ml.

Chất liệu bao bì: Thành phẩm được đóng trong chai PET. Đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

5.1 Xuất xứ: Việt Nam

5.2 Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng :

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

5.3 Địa chỉ cơ sở sản xuất:

Cơ sở 1:

- **Tên cở sở:** CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU BẾN TRE
- **Địa chỉ cơ sở:** lô K, CCN-TTCN Phong Nẫm, xã Phong Nẫm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.
- **Ký hiệu cơ sở:** N

  Minh họa in cơ sở: HSD: ddmmyy N

Cơ sở 2:

- **Tên cở sở:** CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT LAI PHÚ
- **Địa chỉ cơ sở:** 186 Quốc lộ 22, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- **Ký hiệu cơ sở:** K

  Minh họa in cơ sở: HSD: ddmmyy K

III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn sản phẩm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

1. **Kim loại nặng:** áp dụng theo QCVN 6-2:2010/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Chì	mg/l	≤ 0.05

2. **Vi sinh:** áp dụng theo phụ lục II QCVN 6-2:2010/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số bào tử nấm men, mốc	CFU /ml	10
2	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	100
3	E. coli	CFU/ml	KPH
4	Coliform	CFU/ml	10
5	Staphylococcus aureus	CFU/ml	KPH
6	Clostridium perfringens	CFU/ml	KPH
7	Streptococci faecal	CFU/ml	KPH
8	Pseudomonas aeruginosa	CFU/ml	KPH

3. Tiêu chuẩn của nhà sản xuất:

3.1 Chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: chất lỏng đồng nhất, có thạch bên trong.
- Mùi vị: Có mùi đặc trưng của hương vị thạch dừa, vị ngọt thanh.
- Màu sắc: Màu trắng trong của nước dừa tươi.

3.2 Chỉ tiêu chất lượng:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	PH	-	3.8 – 4.4
2	Hàm lượng SO_2	ppm	Không phát hiện

4. Hướng dẫn bảo quản:

- Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

5. Hướng dẫn sử dụng:

- Sử dụng trực tiếp. Ngon hơn khi uống lạnh.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ tự công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã tự công bố.

Đồng Nai, ngày 29 tháng 9 năm 2023

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY

M.S.D.N: 3600495818 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Phan Minh Nhật

P. QHSB
29.09.23
Phan Thị Thu

206mm

4mm

2mm

146mm

2mm

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Duy

Phan Minh Nhật

SẢNG KHOÁI CÙNG DỪA
CHILL & REFRESHING

Cung cấp chất điện giải
Provide electrolytes

Na^+ K^+

Bù nước - Giải nhiệt
Rehydrate - Refresh

Tận hưởng tinh hoa của quả dừa từ Bến Tre màu mỡ phù sa, hội tụ trong từng giọt nước dừa XIM.

Enjoy the essence of coconuts from alluvial Ben Tre in every sip of XIM coconut water.

8 935015 521306

XIM

NƯỚC DỪA
COCONUT WATER

+ THẠCH DỪA TƯƠI
+ FRESH NATA DE COCO

Thể tích thực
Net content
350 ml

NƯỚC DỪA XIM THẠCH DỪA TƯƠI
XIM COCONUT WATER
WITH FRESH NATA DE COCO

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH
Average nutritional value

TRONG/PER 100ml

Năng lượng *Energy*	43 Kcal
Cacbohydrat *Carbohydrate*	10,8 g
Đường tổng *Total sugar*	10,2 g
Chất béo *Fat*	0 g
Chất béo bão hòa *Saturated Fat*	0 g
Chất béo chuyển hóa *Trans Fat*	0 g
Chất đạm *Protein*	0 g
Kali *Potassium*	36 mg
Canxi *Calcium*	8,9 mg
Natri *Sodium*	30 mg

Thành phần: Nước, Xi-rô bắp giàu fructose, Thạch dừa (65g/l), Đường mía, Nước dừa (10g/l), Chất điều chỉnh độ acid (578, 331(iii), 330, 327, 296), Chất điều vị (508), Muối, Chất bảo quản (202, 211), Chất tạo gel (418), Hương liệu vải nhân tạo, Chất tạo ngọt tổng hợp (950).

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp. Ngon hơn khi uống lạnh.

Thông tin cảnh báo: Lưu ý hạn sử dụng.

NSX và HSD: Xem trên nắp chai.

Ingredient: *Water, High fructose corn syrup, Nata de coco (65g/l), Cane Sugar, Coconut water (10g/l), Acidity regulators (578, 331(iii), 330, 327, 296), Flavor enhancer (508), Salt, Preservatives (202, 211), Gelling agent (418), Artificial lychee flavor, Synthetic sweetener (950).*

Storage: *Product should be stored in a cool and dry place, out of direct sunlight.*

Usage: *Ready to use. Best served chilled.*

Warning: *Use before expiry date.*

MFG and EXP: *See on top of bottle.*

TỰ HÀO LÀ THÀNH VIÊN

TTC AgriS | LIÊN MINH TÁI CHẾ BAO BÌ VIỆT NAM

HOTLINE 1800 599 900

BHC

Sản phẩm của/ *Product of*

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY
Bien Hoa 1 Industrial Zone, An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province, Vietnam.

Xuất xứ: Việt Nam / Made in Vietnam

Phát triển bởi/ *Developed by*

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU BẾN TRE (BETRIMEX)
Lô K, CCN-TTCN Phong Nẫm, Xã Phong Nẫm, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

BENTRE IMPORT EXPORT JOINT - STOCK CORPORATION (BETRIMEX)
Lot K, Phong Nam Industrial Cluster - Cottage Industry, Phong Nam Commune, Giong Trom District, Ben Tre Province, Vietnam.

VILAS 237

Report N°: 0000310542

Can Tho City, Date: September 26, 2023
TP. Cần Thơ, Ngày: 26/09/2023

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2307B-0234
Đơn hàng: 2307B-0234

CLIENT'S NAME : **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA**
Tên khách hàng

CLIENT'S ADDRESS : **KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1, PHƯỜNG AN BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI**
Địa chỉ

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : **Betrimex**
Được lấy/ gửi bởi : *Betrimex*

Client's reference : **Nước Dừa XIM Thạch Dừa Tươi**
Chú thích của khách hàng

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : **Coconut water (approx. 0.806kg) in plastic bottles**
Mô tả mẫu : *Nước dừa (khoảng 0.806kg) chứa trong chai nhựa*

Sample ID : **2307B-0234.002**
Mã số mẫu

Date sample(s) received : July 08, 2023
Ngày nhận mẫu : *08/07/2023*

Testing period : July 08, 2023 - July 15, 2023
Thời gian thử nghiệm : *08/07/2023 - 15/07/2023*

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : *Theo yêu cầu của khách hàng*

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : *Vui lòng tham khảo trang sau*

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

TEST RESULT(S)
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

	Analyte *Chỉ tiêu phân tích*	Method *Phương pháp*	Result *Kết quả*	LOD	LOQ	Unit *Đơn vị*	Note *Ghi chú*
1.	Calories - Viet Nam (VN) market *Năng lượng - Thị trường Việt Nam (VN)*	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003)	43	-	-	kcal/100mL	
2.	Total carbohydrate *Cacbohydrat tổng*	AOAC 986.25	10.76	-	-	g/100mL	
3.	Crude protein *Đạm thô*	EN 12135:1997	Not Detected *Không phát hiện*	0.02	0.08	g/100mL	N x 5,3
4.	Ash *Tro*	EN 1135:1994	<0.2	0.06	0.2	g/100g	
5.	Moisture (70 °C) *Độ ẩm (70°C)*	ISO 1026:1982	104.50	0.19	0.64	g/100mL	
6.	Total fat (sum of fatty acids, expressed as triglycerides) *Béo tổng (tổng của các axít béo, quy về triglycerides)*	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	0.0030	0.0001	0.0003	g/100mL	
7.	Saturated fatty acids *Hàm lượng axít béo bão hòa*	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	0.0009	0.0001	0.0003	g/100mL	
8.	Trans fatty acids *Hàm lượng axít béo chuyển hóa dạng trans*	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	Not Detected *Không phát hiện*	0.0001	0.0003	g/100mL	
9.	Dietary Fiber *Xơ*	AOAC 991.43	Not Detected *Không phát hiện*	0.1	0.4	g/100mL	See note (F)
10.	Total sugars (as sucrose) *Đường tổng (quy về sucroza)*	LFOD-TST-SOP-8126 (Luff-Schoorl method)	10.19	0.15	0.5	g/100mL	
11.	Sodium (Na) *Natri*	AOAC 2011.14	30	-	1	mg/100mL	
12.	Potassium (K) *Kali*	AOAC 2011.14	36	-	1	mg/100mL	
13.	Calcium (Ca) *Canxi*	AOAC 2011.14	8.9	-	1	mg/100mL	

Note/*Ghi chú*:

- The methods without remark of a superscript number were performed by SGS HCM Laboratory; the ones remarked with a superscript number (¹) were performed by SGS Can Tho Laboratory; and others remarked with two asterisks (**) were done by subcontractor that was mentioned in the parentheses after the method respectively.

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Phương pháp không được đánh dấu với chỉ số trên được thực hiện bởi PTN SGS HCM; phương pháp được đánh dấu với chỉ số trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ; và phép thử được đánh dấu với hai sao (**) được thực hiện bởi nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn sau phương pháp tương ứng.

- The methods/analytes remarked with an asterisk (*) are not currently within the ISO 17025 accreditation scope.
  Phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*) chưa thuộc phạm vi công nhận ISO 17025.

- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
  Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

- (F) The result that was calculated by sum of insoluble dietary fiber (IDF) and high molecular weight soluble dietary fiber (HMW SDF) was not included with low molecular weight soluble dietary fiber (LMW SDF).
  (F) Kết quả được tính từ tổng hàm lượng xơ không hòa tan (IDF) và xơ hòa tan phân tử lượng cao (HMW SDF), không bao gồm xơ hòa tan phân tử lượng thấp (LMW SDF).

- (VN) Carbohydrate (total) factor: 4 kcal/g, Fat factor: 9 kcal/g, Protein factor: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Source: FAO - Food and Nutrition paper 77 (2003)).
  (VN) Hệ số của carbohydrate tổng: 4 kcal/g, hệ số của chất béo: 9 kcal/g, hệ số của chất đạm: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Nguồn: FAO – Thực phẩm và Dinh dưỡng số 77 (2003)).

- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
  LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

  LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ; except for metal analytes that are reported as Not Detected. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g or 0 MPN/mL for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g or 1 mL in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g or 0 MPN/0.1mL for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g or 0.1 mL in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).
  LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g hoặc 0 MPN/mL với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g hoặc 1 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g hoặc 0 MPN/0.1mL với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g hoặc 0.1 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

  _(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum item.
  _*(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.*

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

PHOTO APPENDIX/*PHỤ LỤC HÌNH ẢNH*

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 07 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS
Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 07 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

This report cancels and supersedes the report No. 0000256058 dated 28-July-2023 issued by SGS Vietnam Ltd.
Báo cáo này hủy bỏ và thay thế cho báo cáo có mã số 0000256058 ngày 28/07/2023 được phát hành bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH.

*** END OF THE REPORT ***

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

VILAS 237

Report N°: 0000310542

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự

CÔNG TY SGS VIỆT NAM TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00111855
Mã số kết quả : AR-23-VD-116559-02-VI / EUVNHC-00230615

Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa
Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tên mẫu :	Nước dừa XIM thạch dừa tươi
Tình trạng mẫu :	Mẫu đựng trong chai nhựa
Ngày nhận mẫu :	05/09/2023
Thời gian thử nghiệm :	05/09/2023 - 10/09/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	11/09/2023
Mã số PO của khách hàng :	NA9J2308316485-CT

	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	LOQ	LOD
VD333 VD Clostridium perfringens	Phương pháp TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)			
(a) *Clostridium perfringens*	Không phát hiện (LOD=1)	cfu/ ml	1	1
VD344 VD Coliforms	Phương pháp TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)			
(a) *Coliforms*	Không phát hiện (LOD=1)	cfu/ ml	1	1
VD369 VD Phát hiện Salmonella spp.	Phương pháp TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)			
(a) *Salmonella spp.*	Không phát hiện	/25 ml		
VD374 VD Staphylococcus aureus	Phương pháp AOAC 975.55			
(a) *Staphylococcus aureus*	Không phát hiện (LOD=1)	cfu/ ml	1	1
VD0GA VD Pseudomonas aeruginosa	Phương pháp EVN-R-RD-3-TP-3744 (2021)			
Pseudomonas aeruginosa	Không phát hiện (LOD=1)	cfu/ ml	1	1
VD0G7 VD Escherichia coli	Phương pháp TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)			
(a) *Escherichia coli*	Không phát hiện (LOD=1)	cfu/ ml	1	1
VD6XM VD Streptococci faecal	Phương pháp CMMEF - 5th Ed. 2015 -Ch.10			
Faecal streptococci	Không phát hiện (LOD=1)	cfu/ ml	1	1
VD0G4 VD Tổng số vi sinh vật hiếu khí 30°C	Phương pháp TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)			
(a) **Tổng số vi sinh vật hiếu khí**	Không phát hiện (LOD=1)	cfu/ ml	1	1
VD385 VD Tổng số nấm men và nấm mốc	Phương pháp TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)			
(a) **Tổng số nấm men, nấm mốc**	Không phát hiện (LOD=1)	cfu/ ml	1	1
VD242 VD pH	Phương pháp TCVN 7806:2007 (ISO 1842:1991)			
(a) **pH**	4.24			
VD292 VD Sulfur dioxide (SO2)	Phương pháp TCVN 6641:2000 (ISO 5522:1981)			
(a) **Sulfur dioxide (SO_2)**	Không phát hiện (LOD=3)	mg/ l	10	3
VD861 VD Chì (Pb)	Phương pháp AOAC 2015.01			
(a) **Chì (Pb)**	Không phát hiện (LOD=0.017)	mg/ kg	0.05	0.017
VD070 VD Patulin	Phương pháp EVN-R-RD-1-TP-5629			
(a) **Patulin**	Không phát hiện (LOD=5)	µg/ l	15	5
VD630 VD Cảm quan	Phương pháp EVN-R-RD-2-TP-3552			
Màu sắc	Màu trắng đục của thạch dừa đặc trưng của sản phẩm			

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

		KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	LOQ	LOD
VD630	VD Cảm quan	Phương pháp EVN-R-RD-2-TP-3552			
	Mùi	Mùi đặc trưng của sản phẩm			
	Trạng thái	(*)			
	Vị	Vị đặc trưng của sản phẩm			
VDLVJ	VD Aflatoxin B1 + Tổng	Phương pháp EVN-R-RD-1-TP-20443			
(a)	**Aflatoxin B1**	Không phát hiện (LOD=0.5)	µg/ kg	1.5	0.5
(a)	**Aflatoxin total (B1, B2, G1, G2)**	Không phát hiện (LOD=0.5)	µg/ kg	1.5	0.5

(*) Trạng thái: Gồm hai phần cái và nước, phần cái là thạch dừa cắt khối vuông nhỏ, kích thước tương đối đồng đều, mềm dai, phần nước lỏng, trong.
LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM

CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG
M.S.D.N: 0311526885-C.T.T.N.H.H
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 25/09/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 25/09/2023.

Ghi chú giải thích
Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.
(*Kết quả này thay cho kết quả số AR-23-VD-116559-01/743-2023-00111855, xuất ngày 15/09/2023; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)

6885-C.T.T.N.H.H
TY TNHH
OFINS
HẢI ĐĂNG
HỒ CHÍ MINH